

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2026/HNGĐ-ST

Ngày 23/6/2026

V/v: Tranh chấp về HNGĐ giữa
Anh Trường và chị Thủy.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - BẮC NINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Thành, bà Nguyễn Thị Sơn.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Lan Hương, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh: Ông Đỗ Tá Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2026/TLST-HNGĐ, ngày 06/3/2026 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Vương Văn T**, sinh năm 1982 (có mặt).

Trú tại: **Tổ dân phố G, phường M, tỉnh Bắc Ninh.**

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Trú tại: **Tổ dân phố G, phường M, tỉnh Bắc Ninh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn là anh **Vương Văn T** trình bày:* Anh kết hôn với chị **Nguyễn Thị T1** ngày 21/11/2003, có được tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường M, tỉnh Bắc Ninh)**. Cưới xong chị **T1** về nhà anh sinh sống và làm ăn ngay, vợ chồng ở chung với bố mẹ anh đến khi cháu lớn là **Vương Công N** được 2 tuổi thì vợ chồng ra ở riêng.

Khi cháu **N** được 03 tuổi thì vợ chồng cùng nhau vào **Niên N** làm ăn, sinh sống. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế. Khi vào **N** vợ chồng vay vốn, mua máy may mở **Công ty M**, thuê công nhân. Khi công nhân may sai hàng khiến khách trả hàng yêu cầu sửa lại toàn bộ. Anh nói: “Giờ làm ăn thế này thì lấy tiền đâu mà đền” thì chị **T1** cãi lại, vùng vằng vút hàng đi, anh có tát chị

T1 01 cái. Từ đó không ai nói chuyện, không ai quan tâm đến ai. Sau đó anh bỏ về quê **thôn G, xã A (nay là tổ dân phố G, phường M, tỉnh Bắc Ninh)** sinh sống. Khoảng 02 tháng sau, anh vào **N** thì thấy chị **T1** đang chung sống với người đàn ông tên là **Nguyễn Văn T2** quê ở Thanh Hóa làm nghề thu mua ve chai, sống cạnh nhà chị **T1**. Anh đã thuê trọ ra ở riêng mà không ở cùng với chị **T1** nữa, cũng không kinh doanh may với chị **T1** nữa mà đi làm xây. Thời gian ở nhà trọ thỉnh thoảng anh đến đón con đi chơi mà không hỏi han gì chị **T1**, chị **T1** cũng không quan tâm anh, không gọi anh về nhà chung sống. Sau đó anh về quê tại **tổ dân phố G, phường M, tỉnh Bắc Ninh** sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay.

Anh và chị **T1** đã nhiều lần nói chuyện nhưng vợ chồng chỉ nói chuyện được một hai câu thì chị **T1** lại chửi bới, sỉ vả anh và gia đình anh, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay chị **T1** đã có con riêng với ông **T2**. Thỉnh thoảng chị **T1** cũng có về nhà vào các dịp lễ Tết hay gia đình có công việc. Anh xác định không thể tiếp tục chung sống với chị **T1** được vì vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay, anh đề nghị được ly hôn chị **T1**.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Vương Công N**, sinh ngày 05/9/2004 và **Vương Thị Nguyệt A**, sinh ngày 06/11/2007. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành, anh không đề cập nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, công nợ: Anh trình bày không có.

Phía bị đơn là chị **Nguyễn Thị T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã kết hợp cùng chính quyền địa phương đến nhà chị **T1** để lấy lời khai, nhưng chị **T1** không có nhà, do vậy Tòa án không lấy lời khai của chị **T1** được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng pháp luật, không có mặt theo giấy triệu tập, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn giữa anh **T** và chị **T1** đã trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh **T** được ly hôn chị **T1**.

- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Anh **T** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh **Vương Văn T** xin ly hôn chị **Nguyễn Thị T1**, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình và Tòa án nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, điều 28; điều 35; điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Anh **Vương Văn T** kết hôn với chị **Nguyễn Thị T1** ngày 21/11/2003, đã tuân đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế. Vợ chồng mở Công ty may, thợ may hỏng hàng nên khách trả lại hàng, anh có nói thì chị **T1** cãi lại, vùng vằng vứt hàng đi, anh có tát chị **T1** 01 cái. Vợ chồng chỉ nói chuyện với nhau được một, hai câu thì chị **T1** lại chửi bới, sỉ vả anh và gia đình anh. Từ đó vợ chồng không ai nói chuyện, quan tâm gì đến ai, chị **T1** đã có con với người đàn ông khác, vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 đến nay, anh **T** vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị **T1**.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị **T1**, nhưng chị **T1** vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Việc chị **T1** vắng mặt được coi là trường hợp cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh **T**, chị **T1** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 đến nay mà không có biện pháp hàn gắn, do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **T**, xử cho anh **T** được ly hôn với chị **T1**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Vương Công N**, sinh ngày 05/9/2004 và **Vương Thị Nguyệt Á**, sinh ngày 06/11/2007. Hiện nay cả 02 con chung đều đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không xem xét.

Tại phiên tòa, chị **T1** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về án phí: Anh **T** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ điều 235, 264, 266, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Vương Văn T** được ly hôn chị **Nguyễn Thị T1**.
2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.
3. Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không xem xét.
4. Về án phí: Anh **T** phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001729, ngày 06/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh). Anh **T** đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND KV9 - BN.
- THADS KV9 - BN.
- UBND phường M (số 47/2003).
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Ngọc Anh